

Bản án số: 01/2022/HNGĐ-ST
Ngày 06/10/2022
V/v Ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO PHONG, TỈNH HÀ BÌNH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đức Thịnh.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Văn Diêng và bà Trần Thị Mai

Thư ký phiên tòa: Bà Phan Ngọc Mai.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Phong tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 10 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Phong, tỉnh Hà Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 52/2022/TLST- HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2022 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2022/QĐXX - ST ngày 19 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị H** – Sinh năm 1978 (*có mặt*)

Địa chỉ: Xóm Đỉnh Cùn, xã Thu Phong, huyện Cao Phong, tỉnh Hà Bình.

Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn K** – Sinh năm 1979 (*vắng mặt có lý do*)

Địa chỉ: Xóm Đỉnh Cùn, xã Thu Phong, huyện Cao Phong, tỉnh Hà Bình.

Hiện bị đơn đang chấp hành án tại Trại giam Thanh Cẩm, xã Cẩm Thành, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1]. Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 25/3/2022, ý kiến tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn K đăng ký K hôn ngày 27/02/2018 tại Ủy ban nhân dân xã Thu Phong, huyện Cao Phong, tỉnh Hà Bình trên cơ sở tự nguyện. Sau khi K hôn chị và anh K về sống tại Xóm Đỉnh Cùn, xã Thu Phong, huyện Cao Phong, tỉnh Hà Bình. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, sau đó giữa hai bên nảy sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, hai bên thường xuyên cãi vã, đến tháng 11 năm 2019 anh K phạm tội Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ bị phạt tù thời hạn 42 tháng, hiện anh đang chấp hành án tại trại giam Thanh Cẩm, xã Cẩm Thành, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa. Trong khoảng thời gian anh K đi chấp hành án, chị H vẫn vào thăm anh nhưng giữa hai bên vẫn không có tiếng nói chung. Nay chị H xác

định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn gia đình trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh K.

Về con chung: Chị H và anh K có 01 con chung là Nguyễn Diệu Linh sinh ngày 11/03/2018. Hiện tại cháu đang ở với chị H, sức khỏe tốt, phát triển bình thường. Khi ly hôn chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con, lý do vì con sống với chị từ nhỏ, do chị trực tiếp chăm sóc, anh K hiện tại phải đi chấp hành án, nên không đảm bảo được việc nuôi con. Chị H chưa đề nghị anh K cấp dưỡng tiền nuôi con sau khi ly hôn.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2]. Trong quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Văn K đã được Tòa án thực hiện đầy đủ thủ tục cấp tổng đạt văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật anh K đã nhận đủ và có đơn xin từ chối tham gia tố tụng, anh đã cung cấp cho Tòa bản tự khai và Đơn xin xét xử vắng mặt có xác nhận của Trại giam Thanh Cẩm. Trong bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt anh K trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh nhận thấy bản thân vi phạm pháp luật và đang phải chấp hành án nên anh không có thời gian chăm sóc gia đình, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, chị H làm đơn ly hôn anh đồng ý.

- Về con chung: Có 01 con chung là Nguyễn Diệu Linh, sinh ngày 11/3/2018, hiện cháu đang ở với chị H, sức khỏe tốt. Vợ chồng ly hôn anh đồng ý để chị H được trực tiếp nuôi con. Về cấp dưỡng nuôi con, chị H chưa đề nghị anh K cấp dưỡng tiền nuôi con, anh đồng ý.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3]. Tại phiên tòa: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với anh Nguyễn Văn K, khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi con Nguyễn Diệu Linh, chị chưa đề nghị anh K cấp dưỡng tiền nuôi con sau khi ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Phong tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi xét xử, Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đầy đủ và đúng quyền, nghĩa vụ tố tụng của họ tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, 56, 58 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn K. Về con chung: Giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Diệu Linh đến khi cháu cháu Linh đủ 18 tuổi. Chị H chưa yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con chung nên đề nghị HĐXX không xem xét. Về tài sản chung và công nợ chung: Chị H xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết, anh K xác

nhận không có, không yêu cầu giải quyết nên không đề cập giải quyết. Về án phí: Chị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào K quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Xét thấy chị Nguyễn Thị H khởi kiện anh Nguyễn Văn K là vụ án dân sự tranh chấp “ly hôn”, căn cứ vào Đơn xin xác nhận nơi cư trú của chị H cung cấp chỗ ở của anh K trước khi chấp hành án tại Xóm Đình Cun, xã Thu Phong, huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình. Mặt khác chị H và anh K có biên bản thỏa thuận lựa chọn Tòa án giải quyết là Tòa án nhân dân huyện Cao Phong. Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Cao Phong thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H có mặt, bị đơn anh Nguyễn Văn K vắng mặt có lý do (*có đơn xin xét xử vắng mặt*). Vì vậy căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 BLTTDS và theo đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Phong là đề nghị HĐXX tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật. Nên HĐXX tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2]. Về nội dung:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận K hôn số 09, ngày 27/02/2018, do UBND xã Thu Phong, huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình cấp, xác định quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn K là hợp pháp. Trong quá chung sống phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, hai bên thường xuyên nảy sinh cãi vã, mặt khác anh K phạm tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*” và phải chấp hành án phạt là 42 tháng tù, hiện tại anh K đang chấp hành án tại trại giam Thanh Cẩm, xã Cẩm Thành, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã ra Thông báo hòa giải để hòa giải đoàn tụ nhưng chị H làm đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vì chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không có hạnh phúc và cương quyết xin ly hôn với anh K. HĐXX xét thấy: Hôn nhân giữa chị H và anh K đã mâu thuẫn trầm trọng, anh K vi phạm pháp luật và phải chấp hành án dẫn đến mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Thị H.

2.2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn K cùng thống nhất quan điểm có 01 con chung là Nguyễn Diệu Linh sinh ngày 11/3/2018. Khi ly hôn chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con và chưa đề nghị anh K cấp dưỡng tiền nuôi con sau khi ly hôn. Xét nguyện vọng của chị H HĐXX xét thấy có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu của chị H, giao cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi

dưỡng cháu Nguyễn Diệu Linh sinh ngày 11/3/2018 cho đến khi cháu Linh đủ 18 tuổi. Chị H chưa yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, nên anh K chưa phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con.

Căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình, sau khi ly hôn cha mẹ vẫn có quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con.

2.3. Về tài sản chung: Chị H và anh K xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết. Nên HĐXX không xem xét giải quyết.

2.4. Về công nợ chung: Chị H và anh K xác nhận không có công nợ chung, không yêu cầu giải quyết. Nên HĐXX không xem xét.

[3]. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị H

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn K.

[2]. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Diệu Linh sinh ngày 11/3/2018 cho đến khi cháu Linh đủ 18 tuổi. Chị H chưa yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con chung nên anh K chưa phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung.

Hai bên có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai có quyền cản trở, nhưng không được lạm dụng quyền thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con.

Vì quyền lợi về mọi mặt của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha mẹ đối với con

chưa thành niên.

[3]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số: 0001691, ngày 28 tháng 3 năm 2022, tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình.

[4]. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản sao bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Cao Phong;
- THADS huyện Cao Phong;
- UBND xã Thu Phong;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Trần Đức Thịnh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

Trần Đức Thịnh

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Cao Phong;
- THADS huyện Cao Phong;

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

- UBND xã Thung Nai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Đức Thịnh

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO PHONG
TỈNH HÒA BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 10 giờ 30, ngày 19 tháng 10 năm 2021

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Phong

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đức Thịnh.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Văn Diêng và ông Hoàng Bá Viên.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số: 68/2021/TLST- HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2021 về việc: Tranh chấp ly hôn giữa:

Nguyên đơn: Chị **Bùi Như Trang** - Sinh năm 1988, *(có mặt)*;

Bị đơn: Anh **Ân Quang Sơn** - Sinh năm 1986, *(vắng mặt có lý do)*;

Cùng cư trú tại: Xóm Mu, xã Thung Nai, huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình.

(Hiện tại anh Ân Quang Sơn đang chấp hành án tại: Đội 7, phân trại số 01, Trại giam Hồng Ca, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái).

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, K quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; - Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Bùi Như Trang, xử cho chị Bùi Như Trang được ly hôn với anh Ân Quang Sơn.

K quả biểu quyết: 3/3.

1.1. Về con chung: Giao cho chị Bùi Như Trang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Ân Minh Tùng, sinh ngày 02/6/2012 cho đến khi cháu Tùng đủ 18 tuổi. Chị Trang chưa yêu cầu anh Sơn cấp dưỡng nuôi con chung nên anh Ân Quang Sơn chưa phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung.

K quả biểu quyết: 3/3.

1.2. Về tài sản chung: Chị Bùi Như Trang xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết, anh Sơn không yêu cầu giải quyết. Nên HĐXX không xem xét giải quyết.

K quả biểu quyết: 3/3.

1.3. Về công nợ chung: Chị Trang anh Sơn xác nhận không có công nợ chung, không yêu cầu giải quyết. Nên HĐXX không xem xét.

K quả biểu quyết: 3/3.

2. Về án phí: Chị Bùi Như Trang phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số: 0001618 ngày 01 tháng 7 năm 2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình.

K quả biểu quyết: 3/3.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hay ngày niêm yết bản án.

K quả biểu quyết: 3/3.

Nghị án K thúc vào hồi 10 giờ 50 phút, ngày 19 tháng 10 năm 2021.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

Trần Đức Thịnh